

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUÝ I NĂM 2024

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.

Căn cứ Công văn số 5496/SGDDT-VP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023 – 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 839/KH-UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn quận Phú Nhuận;

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Phú Nhuận báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số quý I năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số

- Thực hiện Công văn số 1914/UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 về triển khai thực hiện trường học số chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-GDDT ngày 02 tháng 01 năm 2024 về thực hiện trường học số chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)

- Tiếp tục giám sát, triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-GDDT ngày 06 tháng 10 năm 2023 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023 – 2024; Kế hoạch số 802/KH-GDDT ngày 11 tháng 12 năm 2023 về tổ chức chuyên đề tập huấn xây dựng nguồn học liệu số cho cấp tiểu học, trung học cơ sở năm học 2023 – 2024.

2. Các nội dung được phân công thực hiện trong kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo và các nội dung trong kế hoạch của đơn vị đã ban hành

2.1. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thuộc lĩnh vực GD-ĐT trong Kế hoạch triển khai Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh; Đề án xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh; Đề án xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh và Kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tuyên truyền đến các cơ sở giáo dục trực thuộc các văn bản chỉ đạo trong thực hiện các nhiệm vụ:

+ Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24/04/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Kế hoạch số 908/KH-UBND ngày 14/03/2023 của Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ CDS quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023.

+ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2025”.

2.2. Chuyển đổi số trong dạy – học và đánh giá, tiếp tục tổ chức hiệu quả dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp

- 100% trường tiểu học, trung học cơ sở tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ GD-ĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên theo tình hình thực tế, điều kiện của từng đơn vị trên các hệ thống đã được Sở GD-ĐT thẩm định.

- Ban giám hiệu các đơn vị theo dõi, đôn đốc nâng cao hiệu quả hoạt động dạy, học trên môi trường trực tuyến; tận dụng tối đa các tính năng, công nghệ của các hệ thống quản lý học tập (LMS) để triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; hướng tới mục đích nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh; tạo môi trường học tập tích cực giúp học sinh chủ động phát triển năng lực cá nhân.

- 100% trường tiểu học, trung học cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá; Đẩy mạnh công tác đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; sử dụng dữ liệu quá trình học tập của học sinh để làm căn cứ đánh giá thường xuyên cho học sinh đảm bảo việc đánh giá được thực hiện khách quan, toàn diện, minh bạch; từng bước thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính nếu có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

- Ban giám hiệu các trường mầm non, tiểu học đã chủ động tổ chức tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, kỹ năng xây dựng học liệu số, bài giảng tương tác, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

2.3. Chuyển đổi số trong xây dựng và phát triển học liệu số, hệ thống thư viện số

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn xây dựng nguồn học liệu số cho cấp tiểu học năm học 2023-2024 tại trường tiểu học Cao Bá Quát, cấp trung học cơ sở năm học 2023-2024 tại trường trung học cơ sở (THCS) Ngô Tất Tố vào tháng 12 năm 2023. Thống kê đến hiện tại cấp tiểu học đã xây dựng 733 học liệu số được phê duyệt cấp trường, trong đó lớp 1: 150 bài giảng, lớp 2: 137 bài giảng, lớp 3: 160 bài giảng, lớp 4: 172 bài giảng, lớp 5: 114 bài giảng; cấp trung học cơ sở đã xây dựng 878 học liệu số được phê duyệt cấp trường, trong đó lớp 6: 289 bài giảng, lớp 7: 242 bài giảng, lớp 8: 252 bài giảng, lớp 9: 95 bài giảng theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai hệ thống thư viện điện tử, thư viện số tại địa chỉ thuviensophunhuan.hcm.edu.vn; Hệ thống được kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2.4. Thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng trong chuyển đổi số

- Hiệu trưởng các trường tiểu học, trung học cơ sở đã chủ động rà soát, đầu tư cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin (đường truyền, hệ thống wifi, bảng tương tác, tivi, đặc biệt là bổ sung máy tính dạy môn tin học, tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học.

- 100% trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở có máy tính phục vụ công tác hành chính.

- 100% trường tiểu học và trung học cơ sở có phòng máy tính; 100% số lượng máy vi tính có kết nối internet đáp ứng công tác giảng dạy bộ môn Tin học và các hoạt động giáo dục.

- 100% Cán bộ công chức (CBCC) của Phòng Giáo dục và Đào tạo được trang bị máy tính.

- 100% máy tính tại Phòng Giáo dục và Đào tạo được kết nối Internet (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật).

2.5. Chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý việc lưu trữ hồ sơ điện tử

- Bước đầu hướng dẫn các đơn vị trong xây dựng, quản lý việc lưu trữ hồ sơ điện tử (hồ sơ nhà trường, tổ chuyên môn, giáo viên) trên tiện ích lưu trữ của email công vụ.

- 80% các trường đã kết nối hệ thống trên cổng thông tin điện tử ngành giáo dục và đào tạo; Thực hiện đăng tải, số hóa hồ sơ từ năm học 2021-2022.

- 100% cơ sở giáo dục trực thuộc thường xuyên cập nhật nội dung trên Cổng thông tin điện tử; Tận dụng các ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số.

2.6. Chuyển đổi số trong xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

- 100% cơ sở giáo dục trực thuộc tiếp tục triển khai hiệu quả các ứng dụng quản lý điểm, quản lý hồ sơ điện tử được đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành (CSDL) theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD-ĐT quy định về CSDL GD-ĐT; Tổ chức cập nhật dữ liệu, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Sở GD-ĐT.

- Cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học, thông tin của học sinh các lớp cuối cấp phục vụ xét tốt nghiệp và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10.

- Đảm bảo chất lượng dữ liệu của hệ thống CSDL ngành GD-ĐT làm nền tảng triển khai dạy học trực tuyến, công tác tuyển sinh đầu cấp, chuyển trường, tổ chức các kỳ thi, khảo sát chất lượng. Các đơn vị đã triển khai cập nhật CSDL đầy đủ theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT; Cập nhật đúng thời gian quy định trong xử lý các dữ liệu về hồ sơ học sinh, giáo viên, phân công chuyên môn, kết quả, đánh giá, điểm của học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông đúng thời hạn, chính xác theo nội dung quy định.

2.7. Chuyển đổi số trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, Đề án 06

- Các bộ phận phụ trách các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo luôn đảm bảo xử lý đúng tiến độ của 34 thủ tục hành chính; Đặc biệt là dịch vụ Dịch vụ về bằng tốt nghiệp THCS (cấp bản sao, điều chỉnh thông tin bản chính và xác nhận bằng tốt nghiệp THCS); Chuyển trường; Tuyển sinh trực tuyến.

- Kết quả thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính quý 1 năm 2024:

+ Số lượng tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: 11 hồ sơ (Cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở).

+ Số lượng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: 01 hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 11 hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ không giải quyết: 01 hồ sơ (thiếu thành phần hồ sơ theo quy định).

+ Số lượng hồ sơ trễ hạn: 0 hồ sơ.

- Kết quả người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết các thủ tục hành chính quý 1 năm 2024:

+ Tổng số người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng trực tiếp: 11.

+ Đánh giá mức độ hài lòng: Hài lòng.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt 12/13 trường hợp chuyển đi, chuyển đến đối với học sinh cấp trung học cơ sở trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

- 100% cơ sở giáo dục trực thuộc thường xuyên theo dõi và thực hiện dịch vụ công trực tuyến về xin chuyển trường, xin thôi học, nhập học lại trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

- 100% trường mầm non, tiểu học đã chuẩn bị dữ liệu cho tuyển sinh đầu cấp.

- Đảm bảo việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo nhiệm vụ của Đề án 06.

- 100% cơ sở giáo dục trực thuộc đã thực hiện thanh toán học phí bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; Tiếp tục hướng dẫn, đẩy mạnh vận động phụ huynh học sinh tham gia thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt.

II. CÁC KHÓ KHĂN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Khó khăn

- Thực hiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành: Một số đơn vị còn nhập không đầy đủ dữ liệu theo các tiêu chí, gửi biểu mẫu báo cáo không đầy đủ; Ban giám hiệu vẫn chưa sâu sát trong kiểm duyệt dữ liệu khi gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện Đề án 06: Một số trường hợp chưa xác thực dữ liệu, mã định danh của học sinh và giáo viên được với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Việc thực hiện dịch vụ công về tiếp nhận học sinh chuyển đến, chuyển đi, còn chưa xử lý được theo quy trình.

- Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến về cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở có số hồ sơ phát sinh thấp.

- Tỷ lệ phụ huynh tham gia hình thức thu phí không dùng tiền mặt còn thấp.

- Công tác triển khai các hệ thống kiểm tra đánh giá trong giáo dục, học liệu số, thư viện số chậm tiến độ, số lượng nguồn học liệu số còn ít. Việc kết nối dữ liệu nguồn học liệu số giữa các hệ thống đang vận hành đang chờ hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Công tác báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, minh chứng thực hiện tại đơn vị vẫn chưa bám sát các nội dung nhiệm vụ theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

2. Đề xuất, kiến nghị

Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc và bộ phận phụ trách hệ thống cơ sở dữ liệu ngành phải rà soát, đối chiếu, kiểm duyệt kỹ các số liệu khi gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo; Thường xuyên theo dõi và xử lý kịp thời các hồ sơ

dịch vụ công trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về chuyển đến, chuyển đi đối với học sinh, giáo viên.

Việc thực hiện xây dựng thư viện điện tử, học liệu số, thư viện số; Hệ thống kiểm tra đánh giá trực tuyến cần có hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí, nội dung thực hiện.

Trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến về cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cần đơn giản hóa thủ tục theo quy trình, người khai báo dịch vụ và hình thức đóng phí để người dân từ 16 tuổi có thể thực hiện được dịch vụ.

Đẩy mạnh việc tuyển dụng vị trí nhân viên công nghệ thông tin riêng tại các cơ sở giáo dục trực thuộc.

Các cơ sở giáo dục trực thuộc, đặc biệt là các trường được phân công triển khai thí điểm cần nghiên cứu đầy đủ các văn bản hướng dẫn; Đẩy mạnh việc tập huấn, phân công trong quản trị, thực hiện các phần mềm đến toàn thể giáo viên và học sinh; Thực hiện lưu trữ đầy đủ các hồ sơ, minh chứng, hình ảnh, video clip trong quá trình tổ chức các hoạt động; Đăng tải thường xuyên các hoạt động trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUÝ 2 NĂM 2024

1. Tiếp tục thực hiện, phát huy kết quả đã đạt được trong thời gian vừa qua về công tác: Triển khai nền tảng quản trị dữ liệu ngành; Đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên công nghệ thông tin về chuyển đổi số; Đẩy mạnh hoạt động dạy học trên môi trường trực tuyến; Thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, Đề án 06; Xây dựng, quản lý việc lưu trữ hồ sơ điện tử của nhà trường.

2. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện kỳ báo cáo, thống kê cuối năm học.

3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục, trường học số theo phụ lục 1 và 2 theo Kế hoạch số 02/KH-GDDT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

4. Đẩy mạnh thực hiện thư viện số, kho học liệu số cho các cơ sở giáo dục.

5. Đảm bảo nguồn dữ liệu học sinh trong thực hiện tuyển sinh đầu cấp trực tuyến; Xét tốt nghiệp và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số quý I năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Phú Nhuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phúc.



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Bình



Phụ lục
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỒ SỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN PHÚ NHUẬN
(Hoạt động thuộc lĩnh vực Giáo dục Đào tạo)

TT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu minh chứng
2	Thể chế số				
2.5	Có sáng kiến khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công (DVCTT) trực tuyến	10	0	- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	
3	Hạ tầng số				
3.1	Tỷ lệ CBCC của cơ quan, đơn vị được trang bị máy tính	5	5	Trên 80%: đạt điểm tối đa <80%: 0 điểm	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
3.2	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật)	5	5	Trên 80%: đạt điểm tối đa <80%: 0 điểm	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
3.3	Các ứng dụng chuyên ngành triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu thành phố	30	30	Trên 80%: 30 điểm. Từ 50% đến 80 %: 15 điểm. Dưới 50%: 0 điểm	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành csdl.hcm.edu.vn
3.4	Mức độ sử dụng các hệ thống dùng chung	30	30	A = Số lượng nền tảng số dùng chung đã triển khai; - b = Số lượng nền tảng số tối thiểu theo danh mục yêu cầu; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = Tỷ lệ * 1/2 * Điểm tối đa 2. Mô hình triển khai - c = Số lượng nền tảng số triển khai tập trung trên Trung tâm dữ liệu;	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.

				- d = Số lượng nền tảng số; - Tỷ lệ = c/d; - Điểm = Tỷ lệ * 1/2 * Điểm tối đa Danh mục nền tảng số theo yêu cầu: 1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Thành phố (LGSP) 2) Nền tảng tích hợp, chia sẻ Kho dữ liệu dùng chung 3) Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị người dân qua tổng đài 1022 4) Nền tảng hợp trực tuyến 5) Hệ thống Dashboard theo dõi Kinh tế - Xã hội 6) Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố 7) Hệ thống Khai phá dữ liệu thành phố	
4	Nhân lực số				
4.7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	5	5	a = Số lượng các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn = 18; b = Tổng số lượng các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở trên địa bàn 18; - Tỷ lệ = $a/b = 18/18 = 100\%$. - Điểm = Tỷ lệ $\geq 50\%$: Điểm tối đa.	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
6	Hoạt động chính quyền số				
6.2	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	10	1	a = Tổng số DVCTT một phần có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) = 00;	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm

				b = Tổng số DVCTT toàn trình có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) = 12; c = Tổng số DVCTT một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến = 00; d = Tổng số DVCTT toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến = 01; - Tỷ lệ = $(c+d)/(a+b) = 01/12 = 0.08$. - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa = $0.08 * 10 = 0.08$.	2024 của P.GD-ĐT.
6.3	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến	20	0	a = Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả một phần và toàn trình) trong năm của P.GD-ĐT = 0; b = Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT một phần = 0; c = Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình = 1; - Tỷ lệ $(b+c)/a = 1/0 = 0$. - Điểm = $0 * 20 = 0$. + Tỷ lệ $\geq 50\%$: Điểm tối đa; + Tỷ lệ $< 50\%$: Tỷ lệ / 50% * Điểm tối đa	- Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
6.4	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	5	0	a = Tổng số người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng; b = Số lượng người dân đánh giá là hài lòng khi sử dụng DVCTT; - Tỷ lệ $= b/a$ Điểm = + Tỷ lệ $\geq 90\%$: Điểm tối đa; + Tỷ lệ $< 90\%$: Tỷ lệ / 90% * Điểm tối đa - Có sử dụng: Điểm tối đa; Chưa sử dụng: 0 điểm	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
6.10	Sử dụng Hệ thống giải quyết thủ tục	10	10	- Có sử dụng: Điểm tối đa;	

	hành chính thành phố			- Chưa sử dụng: 0 điểm.	
6.14	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ được giải quyết (tính theo thủ tục hành chính được đưa vào trực tuyến) hàng năm	10	0	a = Tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ được giải quyết (Năm báo cáo) = 0. b = Tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ được giải quyết (Năm trước) = 0. Tỷ lệ = $(a/b) \times 100\%$ - Tỷ lệ $\geq 10\%$: Điểm = Điểm tối đa - Tỷ lệ $< 10\%$: Điểm = Tỷ	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
6.15	Tỷ lệ giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân về Tổng đài 1022	20	0	a = Số lượng PAKN được xử lý đúng hạn = 0. b = Tổng số lượng PAKN do Quận tiếp nhận, xử lý = 0. Tỷ lệ = $a/b = 0$. Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.
8	Hoạt động xã hội số				
8.5	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	20	0	- Danh sách những hoạt động mà người dân cùng tham gia giải quyết vấn đề với chính quyền trên kênh trực tuyến; - Hoạt động mà người dân tham gia giải quyết hiệu quả khi có 80% phản ánh là chính xác và được giải quyết; - Mỗi hoạt động hiệu quả: 1 điểm; - Tổng điểm không quá Điểm tối đa.	Báo cáo số 201/GDDT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của P.GD-ĐT.